

TỔNG QUAN CHUNG VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Bối cảnh tham gia hội nhập Quốc tế

Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm. Thực tế hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế đã phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực; diễn ra trên nhiều cấp độ: song phương, khu vực và toàn cầu; thu hút hầu hết các nước trên thế giới. Mức độ hội nhập quốc tế cũng ngày một sâu sắc và toàn diện hơn. Hội nhập quốc tế theo đúng nghĩa đầy đủ là hội nhập trên tất cả lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Hội nhập quốc tế là quá trình tất yếu phát triển lâu dài về mối quan hệ giữa con người với con người bởi con người muốn tồn tại và phát triển phải có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Tương tự như mối quan hệ giữa người với người trong một xã hội nhất định thì mối quan hệ giữa một quốc gia với một quốc gia cũng thể hiện sự phát triển trên cơ sở gắn kết với các quốc gia khác.

Sự phát triển của kinh tế thị trường đòi hỏi các quốc gia phải mở rộng thị trường, hình thành thị trường khu vực và quốc tế nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy sự phát triển vượt bậc các lĩnh vực của đời sống xã hội và xã hội hóa các lực lượng sản xuất. Quá trình xã hội hóa và phân công lao động ở mức cao đã vượt ra khỏi phạm vi biên giới quốc gia và được quốc tế hóa ngày càng sâu sắc thể hiện ở việc hợp tác ngày càng sâu sắc giữa các quốc gia theo hình thức song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu. Sự quốc tế hóa như vậy thông qua việc hợp tác ngày càng sâu giữa các quốc gia ở tầm song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu.

Những năm gần đây, phạm vi hội nhập quốc tế giữa các quốc gia ngày càng được mở rộng trên cơ sở hội nhập toàn diện và sâu rộng như một thực thể thống nhất tương tự quốc gia liên bang trong Liên minh Châu Âu (EU). Bên cạnh đó, hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang dần củng cố và hòa nhập sâu rộng quá trình hội nhập trên cơ sở xây dựng cộng đồng kinh tế, cộng đồng chính trị - an ninh và cộng đồng văn hóa xã hội.

Các Châu lục và liên châu lục trên thế giới cũng đang hình thành các thiết chế liên kết chặt chẽ phản ánh sự hội nhập toàn diện, sâu sắc của các quốc gia trong một thế giới hiện đại như việc thành lập liên minh châu phi (AU) năm 2002 hay thành lập liên minh các quốc gia Nam Mỹ (UNASUR) năm 2008 v.v...

Như vậy, bối cảnh hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế chủ đạo trong sự phát triển của thế giới ngay nay. Hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ chi phối, quyết định toàn bộ các quan hệ quốc tế và làm thay đổi cấu trúc toàn cầu, dù cho thế giới vẫn còn tồn tại những bất đồng và chia rẽ.

2. Khái niệm về hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thật sự quan tâm tới hội nhập quốc tế và thể hiện quan điểm hội nhập để phát triển trong đó chú trọng đến hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xác định quan điểm hội nhập quốc tế cần xác định hợp tác trên tất cả các lĩnh vực nhằm tạo bước đi ban đầu cho quá trình hội nhập toàn diện sau này đã được thể hiện trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng - năm 2011. Hiện nay, Việt Nam đã hội nhập quốc tế ở nhiều lĩnh vực với mức độ hội nhập kinh tế quốc tế khác nhau chứ không chỉ có hội nhập kinh tế quốc tế.

Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung nào đó. Khi tham gia hội nhập quốc tế cần đảm bảo 2 yếu tố quan trọng là những hoạt động chung của cộng đồng quốc tế và những nguyên tắc, chuẩn mực mang tính ràng buộc thực hiện các hoạt động chung đó thể hiện các sân chơi cũng như luật chơi chung khi tham gia hội nhập quốc tế.

Hội nhập quốc tế cũng như các hình thức hợp tác quốc tế khác đều vì lợi ích cho đất nước. Các hoạt động thúc đẩy quan hệ song phương dựa trên chuẩn mực quốc tế chung và gia nhập các tổ chức quốc tế, các cơ chế hợp tác quốc tế cũng như hoạt động xây dựng các luật lệ và chuẩn mực chung và hoạt động thực hiện các luật lệ, chuẩn mực các hoạt động chung ở phạm vi quốc tế và quốc gia.

Hội nhập quốc tế không phải chỉ là công việc của nhà nước, cơ quan nhà nước mà cả các chủ thể phi nhà nước, các cá nhân đều tham gia quá trình hội nhập, tạo nên một sự đan xen nhiều cấp độ, tầng nấc trong hội nhập quốc tế, sự đan xen và nhiều cấp độ như vậy tạo nên sự đa dạng và hiệu quả của hội nhập quốc tế.

3. Phương thức hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Các phương thức hội nhập có thể đa dạng tùy theo tính chất của lĩnh vực hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, xét tổng thể thì hội nhập quốc tế có ba phương thức chính là: hội nhập toàn cầu, khu vực, và song phương. Các phương thức hội nhập này được triển khai trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội đã được nêu trong các văn bản của Đảng, pháp luật của Việt Nam như: Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ chính trị ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13-5-2014 của chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế, Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 23-4-2014 của thủ tướng chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và một số văn bản liên quan khác. Theo đó, hội nhập quốc tế gồm: hội nhập trong lĩnh vực kinh tế (hội nhập kinh tế quốc tế), hội nhập trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc giáo dục- đào tạo, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.

3.1 Hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là việc các nền kinh tế của các quốc gia/vùng lãnh thổ gắn kết với nhau với mục đích phát triển kinh tế của chính các quốc gia/vùng lãnh thổ đó. Như vậy, xét về nguồn gốc và quá trình hình thành, thì hội nhập kinh tế quốc tế đã diễn ra từ hàng ngàn năm. Hội nhập kinh tế quốc tế theo lịch sử phát triển từ sơ khai ở thời cổ đại đến trung đại và hiện đại, văn minh như ngày nay. Từ thời la mã cổ đại, khi đế quốc la mã xâm chiếm thế giới đã mở mang mạng lưới giao thông, thúc đẩy lưu thông hàng hóa áp đặt đồng tiền của họ trong toàn bộ các quốc gia, vùng lãnh thổ nơi bị họ chiếm đóng. Trong thời kỳ phong kiến hay cận đại thì các quốc gia cũng có những hành động mở mang giao thương, buôn bán thương mại với nhau. Sự thông thương trong thời cổ đại và trung đại được minh chứng rõ nét nhất bằng việc hình thành “con đường tơ lụa” bắt đầu từ phúc châu, hàng châu, Bắc Kinh (Trung Quốc) qua Mông Cổ, Ấn Độ, Apganixtan, Cadactan, Iran. Irac, thổ nhĩ kỳ, hy lạp, chung quanh vùng địa trung hải và đến tận châu âu. Con đường này cũng đi đến cả Hàn Quốc và Nhật Bản có chiều dài khoảng 4.000 dặm (hay 63.437km)¹. với việc tồn tại hơn mười

¹ Nguồn, Vi, Wikipedia.org/Wiki/con - đ- ờng – tơ - lụa

thế kỷ, con đường tơ lụa giúp cho giao thương đông – tây phát triển rực rỡ được coi là điểm nhấn rõ nét trong lịch sử thương mại rõ nét.

Ngày nay, hội nhập kinh tế quốc tế được các quốc gia/ vùng lãnh thổ trên thế giới thực hiện bằng những phương thức chủ yếu sau:

3.1.1 Thỏa thuận thương mại ưu đãi (Preferential trade agreement – PTA)

Đây là phương thức thấp nhất của hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng có lịch sử hình thành lâu đời nhất so với các hình thức khác của hội nhập kinh tế quốc tế. Theo phương thức này, các quốc gia/vùng lãnh thổ tham gia các thỏa thuận/hiệp định trong đó cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa của nhau, tạo thành các ưu đãi thương mại song phương (ví dụ, hiệp định về hợp tác kinh tế-kỹ thuật giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 2004, hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2009, hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Timo Letxtee (đông Timo) năm 2013, v.v.), các khu vực thương mại ưu đãi vùng (Preferential Trade Area) như: hiệp định về thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN năm 1977. Trong đó, các thỏa thuận/hiệp định này, thuế quan và hàng rào phi thuế quan có thể vẫn còn, nhưng thấp hơn so với khi áp dụng cho quốc gia không tham gia thỏa thuận/hiệp định.

3.1.2 Khu vực mậu dịch tự do (Free Trade Area – FTA)

Khu vực mậu dịch tự do là một hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ tương đối cao do một nhóm các quốc gia/vùng lãnh thổ thiết lập, theo đó các thành viên đồng ý để loại trừ thuế quan, hạn ngạch và ưu đãi khác trong thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và các lĩnh vực khác liên quan giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ trong nhóm. Các thành viên tham gia khu mậu dịch tự do cam kết giảm thiểu thuế quan cho nhau, thậm chí có lĩnh vực loại bỏ hạn ngạch thuế quan (thuế quan bằng 0). Việc thành lập khu vực mậu dịch tự do nhằm thúc đẩy thương mại giữa các nước thành viên. Những hàng rào phi thuế quan (cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, hạn ngạch – cota...) cũng giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn. Hàng hóa và dịch vụ được di chuyển tự do giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ của các thành viên. Xu thế thành lập khu vực mậu dịch tự do đang là phổ biến hiện nay. Hiện tại, trên thế giới có rất nhiều khu vực mậu dịch tự do, như: khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ - NAFTA, khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ostraylia và Niu Dilan (AANZFTA), khu vực mậu dịch tự do ASEAN- Hàn Quốc

(AKFTA), khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA), khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và khu vực tự do Bắc Mỹ (NAFTA), v.v

3.1.3 Hiệp định kinh tế đối tác (Economic Partnership Agreement)

Hiệp định đối tác kinh tế là cấp độ hội nhập kinh tế sâu hơn hiệp định thương mại tự do. Theo đó, ngoài việc tự do hóa thương mại hàng hóa thông qua bãi bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế quan, còn bao gồm cả tự do hóa dịch vụ, bảo hộ đầu tư, thúc đẩy thương mại điện tử giữa các nước ký kết hiệp định. Hiệp định đối tác kinh tế cũng là một xu hướng mới nổi trong hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay. Hiệp định đối tác kinh tế có thể là đối tác giữa một nhóm nước (khu vực), chẳng hạn: hiệp định đối tác kinh tế xuyên thái bình dương. (TPP): hiện đã kết thúc đàm phán, hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP): các nước ASEAN và các đối tác đang đàm phán, hiệp định đối tác kinh tế toàn diện giữa các quốc gia thành viên ASEAN và Nhật Bản (AJCEP) hoặc hiệp định đối tác song phương, như: Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA). Trong các quốc gia trên thế giới, Nhật Bản là quốc gia có xu hướng ký nhiều hiệp định đối tác kinh tế vì nó cho phép quốc gia này thâm nhập toàn diện vào các thị trường của nước đối tác.

3.1.4 Thị trường chung (Common Market)

Thị trường chung có đầy đủ các yếu tố của hiệp định đối tác kinh tế và liên minh thuế quan, công thêm các yếu tố như tự do di chuyển các yếu tố sản xuất (vốn, lao động) giữa các nước thành viên. Một thị trường chung như vậy đã từng được thành lập ở châu Âu vào năm 1957 theo hiệp ước ROME (gồm Cộng Hòa Liên Bang Đức, Italia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Luxembua), có hiệu lực từ ngày 01-01-1958 và sau đó, thêm một số nước: Anh, Đan Mạch, Ai-len (1973), Hy Lạp (1981), Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (1986) hoặc thị trường chung đông và Nam Phi (Common market for eastern and southern africa) thành lập vào năm 1994. Khối ASEAN cũng được thỏa thuận sẽ thực hiện cho mục tiêu hình thành một thị trường chung và một cơ sở sản xuất thống nhất trong toàn khối vào năm 2005 trong khuôn khổ cộng đồng kinh tế ASEAN.

3.1.5 Liên minh thuế quan

Liên minh thuế quan là một hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó thuế quan giữa những nước thành viên đều được loại bỏ, chính sách thương mại chung của liên minh đối với những nước không thành viên được thực hiện. Các thành viên ngoài việc cắt giảm và loại bỏ thuế quan trong thương mại nội khối còn thống nhất thực hiện chính sách thuế quan chung đối với các nước bên ngoài

khối. ví dụ, công đồng các quốc gia vùng Andes (CAN) – một liên minh thuế quan gồm các thành viên là: Boolivia, Coolombia, Eecuardo, và Peru hay liên minh kinh tế Á-Âu (gồm Nga, Beeelarut, Caractan, Tagikixtan, Acmenia). Việc thành lập liên minh thuế quan cho phép tránh được những phức tạp liên quan đến quy tắc xuất xứ, nhưng lại làm nảy sinh những khó khăn trong phối hợp chính sách giữa các nước thành viên.

3.1.6 Liên minh kinh tế và tiền tệ

Liên minh kinh tế là hình thức cao của hội nhập kinh tế quốc tế, liên minh kinh tế được xây dựng trên cơ sở các quốc gia thành viên thống nhất thực hiện các chính sách thương mại, tiền tệ, tài chính và một số chính sách kinh tế - xã hội chung giữa các thành viên với nhau và với các nước ngoài khối. Như vậy, ở liên minh kinh tế, ngoài việc các nguồn vốn, hàng hóa, lao động và dịch vụ được tự do lưu thông ở thị trường chung, các nước còn tiến tới thống nhất các chính sách quản lý kinh tế - xã hội, sử dụng chung một đồng tiền, ví dụ: EU, cộng đồng kinh tế Tây Phi (ECOWAS), cộng đồng Caribe (CARICOM) (tiền thân là cộng đồng và thị trường chung Caribe). Trong các liên minh kinh tế còn tồn tại (nhưng nay không còn) có liên minh Bỉ - Lucxambua. Hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ này tạo ra một thị trường chung giữa các nền kinh tế (không còn hàng rào kinh tế nào nữa)

Liên minh tiền tệ (MONEYTARY UNION) hình thức trên cơ sở các nước phối hợp các chính sách tiền tệ với nhau, thỏa thuận về dự trữ tiền tệ cũng như phát hành đồng tiền chung. Trong liwwn minh tiền tệ, các nước thống nhất hoạt động của các ngân hàng trung ương, đồng thời thống nhất các hoạt động của giao dịch với các tổ chức tiền tệ và tài chính quốc tế như quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), ngân hàng thế giới(WB). Trong lịch sử đã từng có những khu vực dùng một đơn vị tiền tệ chung, như liên minh tiền tệ Latinh thế kỷ XIX. Cùng với một đơn vị tiền tệ chung, các quốc gia thành viên sẽ phải từ bỏ chính quyền thực thi chính sách tiền tệ chung của toàn khối do một ngân hàng trung ương chung của khối đó thực hiện (ví dụ: ngân hàng trung ương Châu âu (ECB) của EU.

3.1.7 Diễn đàn hợp tác quốc tế

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: diễn đàn hợp tác kinh tế châu á – thái bình dương (APEC) và diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng khuyến nghị hàng động đối với các quốc gia thành viên.

Những nguyên tắc được xây dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại, đầu tư.

3.2 Hội nhập trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh

3.2.1 Hội nhập trong lĩnh vực chính trị

Hội nhập quốc tế về chính trị mặc dù manh nha từ lâu, nhưng chỉ trong thời gian gần đây mới trở thành một trong những xu thế chung của thế giới và nó sẽ tiếp tục phát triển trong một thế giới hiện đại. Tuy nhiên, khác với các lĩnh vực hội nhập quốc tế khác, trong giai đoạn hiện nay, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này chỉ ở mức độ và phạm vi nhất định, chứ không sâu như hội nhập kinh tế, đây có thể nói là một hình thức liên kết quốc tế đặc biệt trong hội nhập. Theo đó, hội nhập quốc tế về chính trị là quá trình các quốc gia tham gia vào các cơ chế quyền lực tập thể vì những mục tiêu, lợi ích của quốc gia mình. Quốc gia có thể hội nhập chính trị quốc tế thông qua ký điều ước quốc tế đa phương, khu vực, tiểu khu vực hoặc song phương để thiết lập các mối liên kết quyền lực (hiệp ước liên minh hay đồng minh) hoặc tham gia vào tổ chức chính trị khu vực (ví dụ như ASEAN, EU) hay một tổ chức có quy mô toàn cầu (ví dụ: liên hợp quốc (UN))²

Hội nhập quốc tế về chính trị có nhiều hình thức khác nhau. Ở hình thức thấp của hội nhập quốc tế về chính trị là việc liên kết hạn chế giữa các quốc gia, mà trong đó các quốc gia vẫn cơ bản giữ thẩm quyền định đoạt chính sách riêng. Chẳng hạn, hội nhập về chính trị trong ASEAN vẫn còn tồn tại nhiều sự khác biệt, đa dạng. hình thức hội nhập quốc tế về chính trị ở mức cao hơn, đòi hỏi sự tương đồng về thể chế chính trị và độ tin cậy hoàn toàn của các quốc gia. Về mặt tổ chức quyền lực, các quốc gia thành viên chỉ giữ lại một số thẩm quyền nhất định, còn trao các quyền lực còn lại cho một cơ cấu siêu quốc gia của mình, ví dụ: EU là một điển hình.

Trong các lĩnh vực của hội nhập quốc tế, hội nhập chính trị là bước cuối cùng trên cơ sở các quốc gia đã đạt đến trình độ cao ở hội nhập kinh tế và văn hóa-xã hội. trong lịch sử, hợp chủng quốc Hoa Kỳ, canada trước đây và EU hiện nay được thành lập theo phương thức này.

² (liên hợp quốc (UN) thành lập trên cơ sở hiến chương liên hợp quốc năm 1945, ASEAN thành lập trên cơ sở tuyên bố băng cốc năm 1967, sau này hiến chương ASEAN năm 2007 và đối với EU hiện tại được cấu trúc theo Hiệp ước Lixbon (Lisbon) năm 2007 (có hiệu lực năm 2009)

Trên thực tế, trong những hoàn cảnh nhất định, ở các khu vực khác nhau, việc hội nhập quốc tế cũng không tuân theo tuần tự như đã nêu trên. Hội nhập quốc tế về chính trị có thể đi trước để mở đường, thúc đẩy hội nhập trong các lĩnh vực khác. Một minh chứng rõ ràng nhất là đối với trường hợp ASEAN trong giai đoạn đầu là một cơ chế hợp tác khu vực về chính trị-ngoại giao nhằm đối phó với những thách thức đối với an ninh quốc gia của các quốc gia thành viên. Sau giai đoạn khởi đầu chủ yếu hội nhập về chính trị-an ninh, từ cuối thập niên 70 thế kỷ XX, ASEAN mới bắt đầu triển khai hợp tác về kinh tế và chỉ từ gần giữa thập niên 90 thế kỷ XX, ASEAN mới bắt đầu tiến trình hội nhập kinh tế. Đến khi có hiến chương ASEAN vào năm 2007 ASEAN mới bắt đầu hội nhập toàn diện hơn trên cả 3 lĩnh vực là: chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa – xã hội.

3.2.2 Hội nhập trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh là việc các quốc gia tham gia vào quá trình gắn kết cùng nhau trong mục tiêu tăng cường sức mạnh phòng thủ của quốc gia mình, duy trì hòa bình và an ninh của quốc gia, khu vực và toàn cầu. Có nhiều phương thức hội nhập quốc phòng, an ninh khác nhau nhưng chủ yếu gồm các phương thức như sau:

Thứ nhất, hiệp ước liên minh quân sự song phương là hình thức có từ lâu đời nhất. đây là thỏa thuận giữa hai quốc gia trong đó có quy định về trợ giúp quân sự lẫn nhau trong những tình huống căng thẳng đe dọa đến an ninh, hòa bình của mỗi nước. ví dụ: giữa Việt Nam và Liên Xô cũ có hiệp ước hữu nghị Việt – Xô năm 1978, trong đó có điều khoản về phòng thủ quân sự chung (hiện nay, Liên Bang Nga không kế thừa hiệp định này) hoặc Hoa Kỳ có hiệp ước liên minh quân sự song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan, Philippin.

Bên cạnh đó, hiện nay hợp tác quân sự song phương để phát triển khoa học-kỹ thuật quân sự trong nước và tăng cường khả năng phòng thủ cũng là xu hướng phát triển trên thế giới. Hiện tại, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có hình thức hợp tác này. Ví dụ: hiệp định hợp tác quân sự giữa Việt Nam và Ucraina năm 2002, hiệp định hợp tác kỹ thuật quân sự giữa Việt Nam và Liên Bang Nga năm 2013, hiệp định hợp tác kỹ thuật quân sự giữa Campuchia và Beelarut năm 2014,..v.v. Hợp tác quân sự song phương không nhằm để đối phó hoặc đề phòng một nguy cơ hiện hữu nào đó về quốc phòng, an ninh của quốc

gia thành viên mà đơn thuần là để tăng cường khả năng quốc phòng, an ninh nói chung của các quốc gia tham gia ký kết.

Thứ 2, hiệp ước phòng thủ chung hay hiệp định đa phương về hợp tác quan sự. hiệp ước phòng thủ chung là hình thức khá phổ biến trong thời kỳ chiến tranh lạnh, khi mà thế giới được cơ bản chia thành hai hệ thống đối trọng nhau (hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa). Trong thời kỳ này, nhiều hiệp ước phòng thủ chung được ký kết, như: Hiệp ước Vacsava năm 1955 của các nước thuộc khối các nước xã hội chủ nghĩa, hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949, hiệp ước Đông Nam á (SEATO) năm 1955, Hiệp ước an ninh Ostraylia – Niudilan – Hoa Kỳ (ANZUS) năm 1951,..v.v.

Trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh các hiệp ước phòng thủ chung thì các hiệp ước hợp tác quân sự đa phương, khu vực cũng được hình thành, ví dụ: hiệp ước thân thiện và hợp tác ASEAN (hiệp ước TAC) năm 1976 hiệp ước khu vực phi vũ khí hạt nhân Đông Nam Á (hiệp ước SEANWFZ) năm 1995.

Thứ 3, phương thức dàn xếp an ninh tập thể là phương thức liên kết quốc phòng-an ninh lỏng lẻo hơn cả với các hình thức đa dạng như đối thoại, xây dựng lòng tin, phòng ngừa và các hình thức khác để xây dựng thói quen hợp tác, ràng buộc lẫn nhau, từ đó có thể hạn chế khả năng xảy ra xung đột giữa các thành viên. Các hình thức đối thoại, xây dựng niềm tin, như: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hội nghị bộ trưởng quốc phòng ASEAN (ADMM), hội nghị bộ trưởng quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), hội nghị cấp cao đông á (EAS). Các hình thức phòng ngừa tập thể dựa trên nguyên tắc các thành viên cam kết không tấn công nhau, nếu có một thành viên vi phạm, sẽ dùng sức mạnh hợp tác của cả khối để ngăn chặn và giải quyết xung đột. hội quốc liên và sau này là liên hợp quốc (UN), liên đoàn Arap (AL), tổ chức thống nhất châu Mỹ(OAS), tổ chức thống nhất Châu Phi(OAU), cộng đồng chính trị-an ninh mà ASEAN đang xây dựng là những mô hình cụ thể của phương thức liên kết an ninh tập thể.

Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh được xác minh trong các văn bản của Đảng và Nhà Nước. Theo đó, phạm vi hội nhập quốc tế của Việt Nam ở lĩnh vực này là: đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương về quốc phòng an ninh với các nước láng giềng, các nước ASEAN, các nước lớn, các nước bạn bè truyền thống; từng bước đưa hợp tác đi vào chiều sâu, hiệu quả. Chủ động phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế

lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia nước ta. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn, chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia và đối phó với các thách thức về an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh mạng, an ninh biển, và các thách thức an ninh phi truyền thống khác.

Chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh mà nước ta là thành viên, trước hết là các cơ chế trong khuôn khổ ASEAN và do ASEAN làm chủ đạo. Xây dựng và triển khai kế hoạch gia nhập các cơ chế đa phương khác, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn, như hoạt động gìn giữ hòa bình của liên hợp quốc, kiểm soát phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, diễn tập chung và các hoạt động khác. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc và góp phần đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu ổn định, bền vững³¹.

Ngày nay, mặc dù xu thế hợp tác, hội nhập là cơ bản, chủ đạo trong quan hệ quốc tế, nhưng cũng không có nghĩa là không tồn tại các nguy cơ xâm lược, đe dọa sự toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia. Thực tế trong thời gian qua Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới đã chứng minh điều này. Do đó, hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh sẽ tăng cường sức mạnh của Việt Nam trong lĩnh vực này. Điều đó, trước hết nhằm bảo vệ vững chắc tổ quốc, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định trong nước để phát triển; sau đó nhằm có đủ năng lực, điều kiện là một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ hòa bình, duy trì ổn định theo các quy định của hiến chương liên hợp quốc và pháp luật quốc tế.

3.2.3 hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân tộc, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ và các lĩnh vực khác

Đây là lĩnh vực lớn bao quát nhiều mặt của đời sống xã hội, xét ở khía cạnh hội nhập quốc tế của lĩnh vực này, nó bao gồm: hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, hội nhập quốc tế về vấn đề dân tộc, hội nhập quốc tế về giáo dục–đào tạo, hội nhập quốc tế về khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực khác.

³ Xem Nghị quyết số 22 NQ/TW ngày 10- 4 – 2014 của bộ chính trị về hội nhập quốc tế Trang 29

Hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội có nhiều vấn đề cần lưu tâm. Trước hết trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam mở cửa, trao đổi văn hóa, chia sẻ các giá trị văn hóa, tinh thần với các quốc gia khác. Mục đích của hội nhập quốc tế về văn hóa là tiếp thu các giá trị văn hóa tiến bộ của thế giới để bổ sung và làm giàu nền văn hóa của dân tộc, quốc gia mình. Hội nhập quốc tế về văn hóa – xã hội có thể thông qua việc tham gia các tổ chức hợp tác và phát triển văn hóa, ví dụ: tham gia, thực hiện cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN, tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của liên hợp quốc (UNESCO) hoặc ký kết gia nhập điều ước quốc tế song phương, khu vực và đa phương về hợp tác, phát triển lĩnh vực văn hóa. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có thể chủ động tích cực tham gia các hoạt động, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao với hình thức song phương, khu vực và thế giới.

Qua quá trình hội nhập quốc tế sẽ làm sâu sắc nội dung hợp tác, thực sự gắn kết bền vững giữa các quốc gia, thúc đẩy sự gắn gũi hơn về văn hóa, trong khi vẫn giữ được bản sắc riêng về văn hóa của từng quốc gia. Hội nhập quốc tế về văn hóa cũng đồng thời tạo điều kiện để người dân mỗi nước được thụ hưởng tốt hơn các giá trị văn hóa của nhân loại.

Bên cạnh đó, mặt thứ 2 liên quan đến các vấn đề về xã hội như: lao động, việc làm, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cho người dân, công đồng, bảo trợ xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm bình đẳng giới và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực xã hội, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác với quốc tế để phát triển, giải quyết tốt. Hội nhập quốc tế giúp Việt Nam nâng cao chất lượng trong việc thực hiện các vấn đề về xã hội.

Đối với hội nhập quốc tế về vấn đề dân tộc, hiện chưa có văn bản pháp luật nào xác định chi tiết nội dung hội nhập ở lĩnh vực này. Tuy nhiên, theo các tác giả, hội nhập quốc tế về vấn đề dân tộc là mở cửa, hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế phục vụ việc thúc đẩy phát triển bình đẳng của các nước dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam. Hội nhập quốc tế nhằm tiếp thu những kinh nghiệm, quy định tốt của quốc tế liên quan đến chính sách dân tộc, công tác dân tộc; bên cạnh đó, bảo đảm thu hút nguồn lực quốc tế hỗ trợ đầu tư phát triển mọi mặt của các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Hội nhập quốc tế về vấn đề dân tộc phải bảo đảm để phục vụ tốt cho việc thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước.

Hội nhập quốc tế về giáo dục – đào tạo là hiện đại hóa. Quốc tế hóa nền giáo dục của quốc gia mình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. giáo dục – đào tạo ở Việt Nam hiện nay là vấn đề tương đối bức xúc, yêu cầu cấp thiết để cải cách cơ bản, tìm hướng đi mới để nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo ngang tầm quốc tế. một trong những hướng đi của cải cách giáo dục – đào tạo là hội nhập sâu sắc về vấn đề này. Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc dân tộc trong giáo dục con người việt nam với những đặc trưng riêng. Do đó, trong hội nhập quốc tế về giáo dục – đào tạo phải tìm kênh tiếp cận thích hợp, lựa chọn lĩnh vực mũi nhọn, đột phá. Việc hội nhập quốc tế về giáo dục đào tạo có thể thông qua nhiều kênh khác nhau, từ việc ký kết điều ước quốc tế thực hiện hợp tác giáo dục, đến việc trao đổi, tham gia các hoạt động quốc tế khác nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn giáo dục, đào tạo trong nước. việc hội nhập phải đảm bảo thực hiện trong tất cả các khâu của giáo dục và đào tạo, từ quản lý giáo dục – đào tạo, đến đổi mới tư duy, đào tạo giáo viên, giảng viên thay đổi phương pháp trong giáo dục, đào tạo đến việc thiết kế chương trình, sách giáo khoa, kiểm tra, đánh giá theo chuẩn mực quốc tế, đào tạo giáo viên và xây dựng cơ sở vật chất liên quan đến giáo dục, đào tạo theo tiêu chuẩn tốt của quốc tế.

Đối với lĩnh vực khoa học – công nghệ, hội nhập quốc tế làm cho lĩnh vực khoa học – công nghệ trong nước tiếp cận, theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới, thông qua đó nâng cao trình độ nghiên cứu trong nước, rút ngắn khoảng cách công nghệ của Việt Nam so với các quốc gia phát triển, cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ việt nam. Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ có thể thông qua phát triển quan hệ về hợp tác khoa học và công nghệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ ở các hình thức khác nhau, trong đó có việc ký kết, thực hiện điều ước quốc tế hợp tác khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó cũng tăng cường ký kết, thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, công nghệ với các quốc gia, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Ngoài các lĩnh vực trên, hội nhập quốc tế toàn diện bao gồm cả hội nhập ở các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, như: lao động, y tế, thể thao, v.v.. tạo nên một quá trình tổng thể, thống nhất trong sự mở cửa, hợp tác sâu với quốc tế nhằm tiếp thu những thành tựu, giá trị tốt đẹp trong quá trình phát triển của nhân loại trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở Việt Nam.